

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 726/2020/HS-ST
Ngày: 30-12- 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Trúc Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Thế Cẩn – Nguyên Bí thư Đoàn thanh niên phường Thống Nhất, thành phố Biên Hoà.

2. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Tiến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 628/2020/TLST-HS ngày 30 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 744/2020/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 12 năm 2020, thông báo mở lại phiên tòa ngày 16/12/2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**; tên gọi khác: H, sinh năm 1980, tại Đ.

Nơi từng đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu 3, ấp 2, xã A (nay là khu phố 2, phường A), thành phố B, tỉnh Đ đến năm 2003 thì xóa khẩu do đi tù. Hiện nay không nơi đăng ký thường trú.

Nơi cư trú: Không nơi ở nhất định; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; đảng phái, chính quyền, đoàn thể: Không; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1958 (không rõ còn sống hay đã chết) và bà Trần Thị Minh P (không rõ năm sinh, đã chết); bị cáo là con duy nhất trong gia đình; bị cáo chưa có vợ con.

Tiền án:

- Ngày 27/4/1999, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”.

- Ngày 22/8/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 19 năm tù về các tội “Cướp tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và “Hủy hoại tài sản”.

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 24/3/1997, Toà án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội trộm cắp tài sản công dân.

- Ngày 17/12/1997, Tòa án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 08 tháng tù giam về tội trộm cắp tài sản công dân.

Bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 5 năm 2020 và chuyển tạm giam theo Lệnh tạm giam số 655 ngày 19 tháng 5 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an thành phố Biên Hoà.

(Bị cáo có mặt).

- Bị hại:

1. Anh Phùng Thanh T, sinh năm 2003.

Người đại diện theo pháp luật: bà Phùng Thị Kim N (mẹ ruột).

Địa chỉ: 478 tổ 11, khu phố 2, phường A, thành phố B, tỉnh Đ (anh T, bà N vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Hoàng S, sinh năm 1995.

Địa chỉ: A2/178, khu phố 2, phường T, thành phố B, tỉnh Đ (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Công H, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện X, B (vắng mặt).

2. Anh Nguyễn Vũ Hoàng G, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ (vắng mặt).

3. Anh Bùi Đăng K, sinh năm 1991.

Địa chỉ: Khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong khoảng thời gian từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 đến ngày 08 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2020, bị cáo T đi bộ lang thang tìm tài sản để trộm cắp thì phát hiện thấy cửa nhà anh Phùng Thanh T (sinh năm 2003) tại địa chỉ số 478 tổ 11, khu phố 2, phường A, thành phố B, có ô cửa kính bị bể, nên liền thò tay vào bên trong cửa thấy ổ khóa bên trong chỉ móc lên cửa và không khóa nên bị cáo T đã mở cửa đột nhập vào bên trong nhà anh T thấy anh T đang nằm ngủ, trên nền nhà có dựng 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng- đen-bạc biển số 60F3-304.92, trên xe còn cắm chìa khóa, bên trong có để Giấy đăng ký xe biển số 60F3-304.92 và Chứng minh nhân dân mang tên Phùng Thanh T nên bị cáo T đã lén lút dắt chiếc xe trên ra ngoài, nổ máy tẩu thoát. Sau đó, bị cáo T gặp đối tượng tên Thế (không rõ họ tên thật và địa chỉ) là bạn quen biết ngoài xã hội, nói cho Thế biết việc bị cáo T mới trộm cắp được chiếc xe trên và giao chiếc xe trên cho Thế mang đi bán nhưng sau đó không thấy Thế quay lại.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 03 giờ ngày 08 tháng 5 năm 2020, bị cáo T tiếp tục đi lang thang tìm tài sản để trộm cắp thì phát hiện nhà của anh Nguyễn Hoàng S tại

địa chỉ A2/178, khu phố 2, phường T, thành phố B không có cửa cổng, cửa bếp phía sau không khóa nên bị cáo T đã đi vào trong bếp nhà anh S lục lấy cơm ăn, sau đó đột nhập vào bên trong nhà anh S thì phát hiện có 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc biển số 60F2-280.24, trên xe còn cắm chìa khóa xe nên bị cáo T lén lút dắt chiếc xe trên ra ngoài sân rồi tiếp tục quay lại để lục tìm tài sản khác thì thấy anh S đang nằm ngủ, trên tủ phòng khách có 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro đang sạc pin, bị cáo T liền rút dây sạc lấy chiếc điện thoại trên cất giấu trên người, sau đó tiếp tục ra lấy chiếc xe biển số 60F2-280.24 tẩu thoát. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo T đã giao chiếc điện thoại trên cho chị Nguyễn Thị Thảo là vợ của anh Phạm Vũ Hảo (tên gọi khác là Mập, Hoàng) là bạn quen ngoài xã hội, nhờ người này mang đi mở mặt khẩu của điện thoại nhưng sau đó người này đã tự ý mang cầm đồ chiếc điện thoại trên và đưa cho bị cáo T số tiền 1.300.000 đồng (Một triệu ba trăm nghìn đồng), cùng giấy cầm đồ. Sau đó, bị cáo T sử dụng chiếc xe mô tô trên đến ngày 11 tháng 5 năm 2020 thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa phát hiện, bắt giữ khẩn cấp, khởi tố điều tra xử lý.

Quá trình điều tra bị cáo T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

- Vật chứng của vụ án gồm:

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng- đen- bạc biển số 60F3-304.92, kèm theo Giấy đăng ký xe biển số 60F3-304.92 và Chứng minh nhân dân mang tên Phùng Thanh T, là tài sản và giấy tờ của anh T, sau khi trộm cắp được, bị cáo T đã giao xe cho đối tượng Thế mang đi tiêu thụ. Sau đó chiếc xe trên được giao bán trên mạng xã hội tên “Trần Minh Khang” thì được anh Nguyễn Công H (sinh năm 2000, ngụ tại ấp T, xã B, huyện X, tỉnh B) liên hệ mua và bán lại cho anh Nguyễn Vũ Hoàng G (sinh năm 1993, ngụ tại thị trấn H, huyện N, tỉnh Đ). Sau khi mua xe, anh G lại tiếp tục bán lại cho anh Bùi Đăng K (sinh năm 1991, ngụ tại khu P, thị trấn L, huyện L, tỉnh Đ). Đến ngày 04/5/2020, anh K rao bán trên mạng Facebook thì bị lực lượng Công an Đoàn khu công nghiệp Tam Phước phát hiện, làm việc, sau đó anh K đã giao nộp chiếc xe trên kèm theo Giấy đăng ký xe cho Cơ quan điều tra. Hiện chiếc xe trên đã được trả lại cho anh Phùng Thanh T. Riêng chứng minh nhân dân mang tên Phùng Thanh T đã bị thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc biển số 60F2-280.24, thu giữ của bị cáo T, là tài sản của anh S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh S.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro của anh S, sau khi trộm cắp được bị cáo T đã giao cho chị Nguyễn Thị Thảo (vợ của anh Phạm Vũ Hảo, tên gọi khác là Hoàng) nhờ mang đi mở mặt khẩu máy nhưng người này đã tự ý cầm chiếc điện thoại trên và đưa giấy cầm đồ cho bị cáo T, bị cáo T đã xé bỏ, không xác định được địa chỉ cầm đồ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 186/TCKH-HĐĐG ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc biển số 60F3-304.92, chất

lượng còn lại 80%, trị giá 14.392.000 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng)”.

- Tại bản Kết luận định giá tài sản số 197/TCKH-HĐĐG ngày 16 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Biên Hòa kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc biển số 60F2-280.24, chất lượng còn lại 70% và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro, chất lượng còn lại 50%. Tổng trị giá 15.038.000 đồng (Mười lăm triệu, không trăm ba mươi tám nghìn đồng)”.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại Bản cáo trạng số 638/CT-VKSBH ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội "Trộm cắp tài sản", quy định tại điểm g, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo điều khoản và tội danh đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như sau: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Phạm tội 02 lần trở lên được quy định điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng đến 04 (bốn) năm tù giam.

Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Phùng Thanh T đã nhận lại chiếc xe biển số 60F3-304.92. Anh T không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

- Bị hại anh Nguyễn Hoàng S đã nhận lại chiếc xe biển số 60F2-280.24. Do chiếc điện thoại oppo không thu hồi được, anh S yêu cầu bị cáo bồi thường giá trị chiếc điện thoại.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Công H, anh Nguyễn Vũ Hoàng G, anh Bùi Đăng K không có yêu cầu bồi thường và không có yêu cầu gì, nên không xem xét.

Trong quá trình điều tra, những người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về việc truy tố của Viện kiểm sát.

Tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến gì về việc truy tố của Viện kiểm sát, không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì đối với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an TP. Biên Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát

nhân dân TP. Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo T không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và tình tiết định khung:

Trên cơ sở khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa, phù hợp với các lời khai của bị cáo T tại cơ quan điều tra, kết luận giám định và các T liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã có cơ sở xác định: Trong khoảng thời gian từ ngày 18 tháng 4 năm 2020 đến ngày 08 tháng 5 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 04 giờ ngày 18 tháng 4 năm 2020, tại địa chỉ số 478, tổ 11, khu phố 2, phường An Hòa, thành phố Biên Hòa, bị cáo T đã trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng- đen-bạc biển số 60F3-304.92, trị giá 14.392.000 đồng (Mười bốn triệu, ba trăm chín mươi hai nghìn đồng), bên trong cốp xe có để Giấy đăng ký xe và Chứng minh nhân dân của anh Phùng Thanh T.

Vụ thứ hai: Vào khoảng 03 giờ ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại địa chỉ A2/178, khu phố 2, phường Tân Vạn, thành phố Biên Hòa, bị cáo T tiếp tục trộm cắp 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc biển số 60F2-280.24, trị giá 12.593.000 đồng (Mười hai triệu, năm trăm chín mươi ba nghìn đồng) và 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro, trị giá 2.445.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm bốn mươi lăm nghìn đồng) thì bị phát hiện, bắt giữ khẩn cấp, khởi tố điều tra xử lý.

Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 29.430.000 đồng (Hai mươi chín triệu, bốn trăm ba mươi nghìn đồng).

Ngày 27/4/1999, bị cáo T bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản công dân”. Ngày 22/8/2001, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 19 năm tù về các tội “Cướp tài sản”, “Trộm cắp tài sản” và “Hủy hoại tài sản”, đối với lần kết án này bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tái phạm. Bị cáo T chưa được xóa án tích, lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản vào ngày 18/4/2020 và ngày 08/5/2020, nên lần phạm tội này của bị cáo phạm vào tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm. Hành vi của bị cáo T đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Từ những căn cứ trên, xét thấy cáo trạng của Viện kiểm sát nhân thành phố Biên Hòa đã truy tố đối với các bị cáo T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Bị cáo T là người đã trưởng thành, có sức khỏe, có đầy đủ khả năng nhận thức pháp luật, bị cáo biết hành vi trộm cắp là vi phạm pháp luật nhưng vì lợi ích cá nhân bị cáo đã cố tình vi phạm pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, là quyền được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân và ảnh hưởng đến tình

hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo có nhân thân xấu và đã có tiền án. Sau khi ra tù đáng lẽ bị cáo phải lấy đó làm bài học để răn dạy bản thân, sống có trách nhiệm hơn với bản thân, gia đình và xã hội, nhưng bị cáo lại không sử dụng sức lao động của mình để làm ăn chân chính, nuôi sống bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác để có tiền tiêu xài cá nhân, thể hiện bị cáo sống không có ý thức chấp hành pháp luật. Do vậy, cần xử bị cáo một mức án thật nghiêm nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện 02 lần hành vi trộm cắp tài sản: Vào ngày 18 tháng 4 năm 2020 và ngày 08 tháng 5 năm 2020, giá trị tài sản của mỗi lần phạm tội đều đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản, nhưng chưa được xử lý theo quy định pháp luật. Do đó, đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên xem xét giảm nhẹ một phần về mức hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt khi lượng hình phạt đối với bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo T không có nghề nghiệp ổn định, bản thân lại không có thu nhập ổn định, nên không có điều kiện để thi hành hình phạt bổ sung là phạt tiền. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng trong vụ án:

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng- đen- bạc biển số 60F3-304.92 kèm theo Giấy đăng ký xe biển số 60F3-304.92 là tài sản của anh Phùng Thanh T, nên cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T là đúng quy định pháp luật. Riêng Chứng minh nhân dân mang tên Phùng Thanh T đã bị thất lạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

+ 01 chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc biển số 60F2-280.24 là tài sản của anh S nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa đã trả lại cho anh S là đúng quy định pháp luật.

+ 01 chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro của anh S, sau khi trộm cắp được bị cáo T đã giao cho chị Nguyễn Thị Thảo nhờ mang đi mở mặt khẩu máy nhưng người này đã tự ý cầm chiếc điện thoại trên và đưa giấy cầm đồ cho bị cáo T, bị cáo T đã xé bỏ, không xác định được địa chỉ cầm đồ nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không thu hồi được.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại anh Phùng Thanh T đã nhận lại chiếc xe biển số 60F3-304.92. Anh T không có yêu cầu bồi thường, nên không xem xét.

- Bị hại anh Nguyễn Hoàng S đã nhận lại chiếc xe biển số 60F2-280.24. Đối với chiếc điện thoại di động hiệu Oppo F11 Pro của anh S không thu hồi được. Anh S yêu cầu bị cáo T bồi thường giá trị chiếc điện thoại. Theo kết quả định giá thì chiếc điện thoại Oppo F11 Pro trị giá 2.445.000 đồng. Tại phiên tòa, bị cáo T

đồng ý bồi thường cho anh S giá trị chiếc điện thoại với số tiền 2.445.000 đồng nên cần chấp nhận.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Công H, Nguyễn Vũ Hoàng G, Bùi Đăng K không có yêu cầu bồi thường và bất cứ yêu cầu gì, nên không xem xét.

[9] Các vấn đề khác của vụ án:

Đối với các anh Nguyễn Công H, Nguyễn Vũ Hoàng G và Bùi Đăng K, đã có hành vi mua bán chiếc xe mô tô hiệu Wave màu trắng-đen-bạc biển số 60F3-304.92, do bị can tài trộm cắp được của anh Phùng Thanh T. Tuy nhiên quá trình mua bán các anh H, G và K không biết chiếc xe trên là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa không xử lý.

Đối với chị Nguyễn Thị Thảo và anh Phạm Vũ Hào (tên gọi khác là Hoàng) có liên quan đến việc cầm chiếc điện thoại do bị cáo T trộm cắp của anh Nguyễn Hoàng S. Tuy nhiên, chị Thảo và anh Hào không biết chiếc điện thoại trên do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Đối với đối tượng tên Thế và chủ nickname mạng “Trần Minh Khang”, có liên quan đến hành vi tiêu thụ các tài sản bị chiếm đoạt trong vụ án. Quá trình điều tra chưa xác minh, làm rõ được, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hòa tiếp tục xác minh, điều tra làm rõ và xử lý sau theo quy định pháp luật.

[10] Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

+ Bị cáo T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Bị cáo T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[11] Đối với phần trình bày và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tại phiên tòa, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm g, khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2020.

2. Căn cứ Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015.

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải bồi thường cho anh Phùng Thanh S số tiền 2.445.000 (Hai triệu bốn trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (06);
- VKSND Tp.Biên Hòa (01);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (01);
- Công an Tp.Biên Hòa (01);
- Cơ quan Thi hành án (01);
- Tòa án tỉnh Đồng Nai (01);
- Lưu VP-HS (05).

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trần Trúc Thủy